



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 10

Ngày 01 tháng 02 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 31-12-2014 - Chỉ thị số 31/2014/CT-UBND về đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. 4
- 31-12-2014 - Chỉ thị số 32/2014/CT-UBND về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; Tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015. 9
- 06-01-2015 - Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, xử lý kỷ luật đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố. 14

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 30-12-2014 - Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND về việc quy định khu vực khi xây dựng phải có giấy phép xây dựng, quy mô công trình xây dựng có thời hạn, công trình trên đất nông nghiệp khác và công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2014 của UBND Thành Phố trên địa bàn huyện Bình Chánh. 25

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 07-01-2014 - Quyết định số 70/QĐ-UBND quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 30
- 08-8-2014 - Quyết định số 3857/QĐ-UBND về đính chính Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 34
- 22-10-2014 - Quyết định số 5209/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025. 37
- 31-12-2014 - Quyết định số 6550/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. 47
- 31-12-2014 - Quyết định số 6563/QĐ-UBND về mức thu phí sử dụng đường bộ tại Trạm thu phí qua cầu Phú Mỹ theo Thông tư số 159/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. 52

-
- 05-01-2015 - Chỉ thị số 01/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2015. 54
- 09-01-2015 - Chỉ thị số 02/CT-UBND về đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 60

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2014/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ THỊ

Về đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Trong thời gian qua, việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính, sự nghiệp đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền từ Thành phố đến cơ sở thường xuyên quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện, được nhân dân đồng tình hưởng ứng và đạt được nhiều kết quả khả quan, góp phần nâng cao nhận thức về quyền làm chủ của nhân dân, thu hút mọi người tham gia quản lý Nhà nước, giám sát hoạt động của chính quyền, từng bước khắc phục tình trạng sách nhiễu, quan liêu, mất dân chủ.

Nhìn chung, nhận thức cán bộ, công chức, Ban điều hành khu phố, ấp, tổ nhân dân và nhân dân về thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn từng bước được nâng lên; phần lớn chính quyền xã, phường, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc các nội dung công khai, thông báo để nhân dân biết, tham gia ý kiến, giám sát... theo quy định. Nhờ đó, nhân dân đã phát huy quyền làm chủ, tích cực tham gia bàn bạc thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng, thiết thực, liên quan trực tiếp đến lợi ích của người dân; tự nguyện, tự giác tham gia các phong trào của địa phương, hiến kế xây dựng chính quyền ngày càng vững mạnh.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan được thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm, chỉ đạo thực hiện; thường xuyên rà soát, bổ sung nội dung thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; các chế độ chính sách được cụ thể hóa bằng các quy định, quy chế, quy trình và công khai cho cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều

hình thức phù hợp; tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tác động tích cực đến việc sửa đổi lề lối, tác phong, tinh thần, thái độ làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp theo hướng dân chủ, công khai hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn; góp phần mang lại hiệu quả thiết thực trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, chỉnh trang đô thị, xây dựng đời sống văn hóa ở công sở, khu dân cư.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại xã, phường, thị trấn và trong hoạt động cơ quan vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém, như: công tác triển khai, tuyên truyền các văn bản về quy chế dân chủ chưa được quan tâm đúng mức, hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú; một số cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện dân chủ ở cơ sở, nhất là lĩnh vực quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự đô thị; tình trạng mất dân chủ, dân chủ hình thức vẫn còn xảy ra; tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, vẫn còn phản ánh của nhân dân về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ và thực hiện nhiệm vụ; công tác kiểm tra, giám sát ở một số đơn vị chưa được quan tâm thực hiện đúng mức và chưa thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy chế, quy định cho phù hợp.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế; tiếp tục thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo:

1. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện nghiêm các nhiệm vụ sau:

a) Tiếp tục tăng cường, đổi mới công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các quan điểm của Đảng, Pháp lệnh số 34/2007/UBTVQH ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan; chỉ đạo của Thành ủy về Quy chế dân chủ

ở cơ sở nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, ý thức chính trị, quyền làm chủ của nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu.

b) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ, gắn thực hiện dân chủ ở cơ sở với cải cách thủ tục hành chính nhất là thường xuyên rà soát, loại bỏ hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; thực hiện tốt việc công khai minh bạch về tài chính, chế độ chính sách, công tác cán bộ. Hình thức công khai phong phú, đa dạng và linh hoạt phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị đảm bảo tất cả các thông tin đều đến được với cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên rà soát quy chế tổ chức, hoạt động, quy chế làm việc, các quy chế, quy định khác có liên quan để ban hành, sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, thực hiện tốt các nội dung, hình thức công khai theo đúng quy định tại Quyết định số 05/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về công khai chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến và giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua yêu nước gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với công tác dân vận của chính quyền và cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI về một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay, phối hợp thực hiện tốt Chương trình chung sức xây dựng nông thôn mới. Định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng những cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn tiếp tục thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, tập trung giám sát thực hiện dân chủ ở cơ sở, các nội dung chính quyền phải công

khai cho dân biết theo quy định như: chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư, các quỹ vận động nhân dân đóng góp; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân tổ dân phố, ấp. Hình thức công khai phải phong phú, đa dạng và địa điểm công khai phải thuận tiện cho người dân theo dõi, tránh tình trạng niêm yết công khai các văn bản đã hết hiệu lực, cũ, rách.

3. Sở Tài chính rà soát những bất cập, vướng mắc trong các quy định về công khai dân chủ trong lĩnh vực tài chính ở các cơ quan, đơn vị và có văn bản hướng dẫn; phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện hướng dẫn nội dung công khai việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với xã, phường, thị trấn; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

4. Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan liên quan chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hướng dẫn các khu phố, ấp tổ chức rà soát điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các hương ước, quy ước cho phù hợp với thực tế và đúng quy định.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư cộng đồng cụ thể nội dung thực hiện chức năng giám sát đầu tư cộng đồng đối với các dự án, công trình đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTU'MTTTQVN-TC ngày 04 tháng 12 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở - ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện hướng dẫn nội dung công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, phương án điều chỉnh quy hoạch khu dân cư trên địa bàn xã, phường, thị trấn, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến các dự án, công trình trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

7. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ sơ kết, tổng kết Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan và báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 06 tháng, hàng năm.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời báo cáo, đề xuất gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Chỉ thị có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2014/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ THỊ

**Về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ,
phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân;
Tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra
sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015**

Năm 2014, Thành phố đã hoàn thành 100% chỉ tiêu của Chính phủ giao về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; Công tác tuyển sinh quân sự và công tác huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên, bảo đảm theo yêu cầu chỉ tiêu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số mặt hạn chế như: Công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ và quân nhân dự bị; Điều động huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên. Để thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên; Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị:

1. Bộ Tư lệnh Thành phố có văn bản hướng dẫn cho Ban Chỉ huy Quân sự quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện đúng quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; Công tác tuyển sinh quân sự; Công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên, phối hợp với các ngành chức năng kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự và Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên; Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân thống nhất kế hoạch giao nhận quân nghĩa vụ quân sự và tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu năm 2015. Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành có liên quan thực hiện tốt Tổng điều tra quân nhân dự bị và phương tiện kỹ

thuật của nền kinh tế quốc dân năm 2015 theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu 7.

2. Công an Thành phố chỉ đạo và hướng dẫn Công an quận, huyện phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận, huyện quản lý nắm chắc công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ và quân nhân dự bị tại địa phương; Tổ chức xác minh lai lịch chính trị, đạo đức, học vấn, gia cảnh công dân chuẩn bị gọi nhập ngũ theo Thông tư liên tịch số 76/2006/TTLT-BQP-BCA ngày 03 tháng 5 năm 2006 của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Thành phố có kế hoạch thực hiện tốt công tác bảo vệ an toàn các địa điểm tập trung Lễ giao nhận quân và Hội trại tòng quân, góp phần hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; Công tác tuyển sinh quân sự; Công tác xây dựng, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên.

3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BYT-BQP ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng về hướng dẫn việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự. Chỉ đạo Phòng Y tế, Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng quận, huyện kiện toàn, củng cố đủ thành phần Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; Có kế hoạch tập huấn hướng dẫn cho Hội đồng khám sức khỏe và đoàn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự các quận, huyện, cán bộ y tế phường, xã, thị trấn; Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho số quân nhân dự bị và sơ tuyển, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; Thành lập Tổ tư vấn tổ chức xét nghiệm HIV và chất gây nghiện cho 100% số công dân đạt sức khỏe trúng tuyển nghĩa vụ quân sự (quá trình thực hiện phải tuân thủ theo Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)). Riêng việc khám sức khỏe công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Bộ Công an.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung học nghề trên địa bàn Thành phố cung cấp danh sách nam học sinh, sinh viên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (tuổi từ đủ 18 đến hết 25 tuổi) đang học ở các trường, đã tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học về Ban Chỉ huy Quân sự quận, huyện đúng thời gian theo Thông tư liên tịch số 175/2011/TTLT-BQP-GDDT ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2007/NĐ-CP về tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn

gọi nhập ngũ thời bình đối với công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ và Thông tư liên tịch số 13/2013/TTLT-BQP-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 175/2011/TTLT-BQP-BGDĐT, để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương quản lý chặt chẽ nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, phục vụ cho công tác xét duyệt tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an và phối hợp thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự.

5. Sở Tư pháp phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực quốc phòng, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố chấn chỉnh kịp thời những vướng mắc.

6. Sở Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân, công tác động viên quân đội và công tác tuyển sinh quân sự.

7. Sở Văn hóa và Thể thao chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện và các báo, đài tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên và Luật Nghĩa vụ quân sự, nhất là đối với công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân, gia đình đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự quận, huyện thực hiện tốt việc tổ chức Hội trại tòng quân, Lễ giao nhận quân trang trọng, chu đáo, tiết kiệm, tạo khí thế sôi nổi trong ngày hội tòng quân.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, phối hợp chặt chẽ cùng các ban, ngành, đoàn thể địa phương có kế hoạch chăm lo tốt chính sách hậu phương quân đội, tạo việc làm đối với quân nhân xuất ngũ, kịp thời giải quyết những trường hợp gia đình có con em chuẩn bị nhập ngũ và đang phục vụ tại ngũ gặp khó khăn sớm ổn định cuộc sống.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận, huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng, triển khai thực hiện hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

10. Đề nghị Thành đoàn Thanh niên Cộng sản Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo, hướng dẫn cho quận, huyện đoàn thực hiện tốt công tác giáo dục bồi dưỡng kết nạp Đoàn cho công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, giới thiệu đoàn viên ưu tú và đề nghị xem xét kết nạp Đảng, tạo nguồn cử tuyển Đảng viên nhập ngũ năm 2015. Chủ

trì phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố chỉ đạo cho quận, huyện đoàn phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng thống nhất nội dung, chương trình Hội trại tòng quân và triển khai thực hiện theo quy định của Quân khu và Thành phố.

11. Đề nghị các thành viên: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, chỉ đạo cơ quan chuyên môn các cấp phối hợp chặt chẽ với các thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tổ chức tuyên truyền vận động công dân chấp hành tốt Luật Nghĩa vụ quân sự, động viên kịp thời lực lượng dự bị động viên làm tròn nhiệm vụ khi có lệnh điều động tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu; Thực hiện tốt chăm lo chính sách hậu phương quân đội; Giáo dục cán bộ, công nhân viên, hội viên ngành mình gương mẫu chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự và Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

12. Năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện tuyển quân tròn khâu, tuyển người nào, chắc người đó, không bù đổi; Nâng cao chất lượng giao quân về tỉ lệ cử đảng viên nhập ngũ, sức khỏe và trình độ học vấn. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt thực hiện Công văn số 3503/UBND-PCNC ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đợt 2 năm 2014; Đồng thời củng cố, kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp đúng thành phần, số lượng quy định. Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên chịu trách nhiệm trong phối hợp tổ chức thực hiện các bước đúng quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân. Giao quân chất lượng cao có tỉ lệ đảng viên nhập ngũ đạt 2% trở lên (có thời gian kết nạp trên 6 tháng); trình độ học vấn phần đầu tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp đạt từ 25% trở lên, các huyện ngoại thành đạt từ 20% trở lên, riêng huyện Cần Giờ đạt từ 15% trở lên; Sức khỏe loại 1, loại 2 đạt từ 70% trở lên. Thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Tổng điều tra quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân năm 2015, chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự các quận, huyện phối hợp chặt chẽ với công an cùng cấp thực hiện tốt công tác tổng điều tra Lực lượng dự bị động viên và công tác đăng ký, quản lý, phúc tra nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ. Tổ chức đón tiếp và tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương sớm có việc làm ổn định; kịp thời chăm lo tốt chính sách hậu phương quân đội, nhất là những gia đình thật sự khó

khăn có con em đang tại ngũ và chuẩn bị nhập ngũ an tâm công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, xử lý kỷ luật đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2008/TT-BYT ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Bộ Y tế hướng dẫn việc kết hợp giữa các cơ sở đào tạo cán bộ y tế với các bệnh viện thực hành trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Đề án thí điểm mô hình Viện - Trường Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 7084/SYT-TCCB ngày 12 tháng 11 năm 2014 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1152/TTr-SNV ngày 10 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Hiệu trưởng các Trường Đại học chuyên ngành y dược trên địa bàn Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, xử lý kỷ luật
đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là giảng viên của
Trường Đại học chuyên ngành y dược giữ chức vụ Trưởng,
Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, xử lý kỷ luật đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố (gọi tắt là cán bộ giảng viên).

Điều 2. Nguyên tắc trong việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ giảng viên

1. Các Cấp ủy Đảng của các Bệnh viện trực tiếp lãnh đạo công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ giảng viên giữ chức vụ Trưởng/Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố.

2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ giảng viên phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ gắn với mô hình đào tạo kết hợp Viện - Trường, điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức lãnh đạo, quản lý do ngành y tế Thành phố quy định.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ viên chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm thì cũng có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận đơn từ chức của cán bộ giảng viên giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực. Đối với cán bộ giảng viên còn dưới 02 năm công tác trước khi đến tuổi nghỉ hưu, do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

2. Cán bộ giảng viên khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm phải tiến hành quy trình bổ nhiệm lại.

3. Đối với cán bộ giảng viên khi được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới, có phụ cấp chức vụ tương đương với chức vụ cũ thì thời điểm bổ nhiệm lại được tính từ ngày quyết định điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới có hiệu lực.

4. Đối với trường hợp thay đổi chức danh lãnh đạo, quản lý do thay đổi tên gọi tổ chức thì thời điểm bổ nhiệm lại được tính từ ngày có hiệu lực quyết định bổ nhiệm chức vụ cũ.

Điều 4. Điều kiện xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm

1. Về bổ nhiệm:

a) Là chủ nhiệm các khoa, bộ môn chuyên môn hoặc cán bộ giảng dạy có uy tín và kinh nghiệm của các Trường Đại học chuyên ngành được ký hợp đồng làm việc với bệnh viện;

b) Đã được cấp chứng chỉ hành nghề y, dược;

c) Đạt tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của ngành y tế Thành phố;

d) Có đầy đủ hồ sơ cá nhân được cơ quan có thẩm quyền xác minh rõ ràng; có bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định;

đ) Tuổi bổ nhiệm

- Cán bộ giảng viên bổ nhiệm lần đầu nói chung đủ thời gian để giữ chức vụ được bổ nhiệm ít nhất một nhiệm kỳ;

- Trường hợp cán bộ giảng viên đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý sau một thời gian công tác, nếu được xem xét để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì điều kiện về tuổi bổ nhiệm được thực hiện như quy định khi bổ nhiệm lần đầu;

e) Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao;

g) Không đang trong thời gian thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

h) Thuộc đối tượng quy hoạch chức danh bổ nhiệm hoặc chức danh tương đương với chức danh bổ nhiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về bổ nhiệm lại:

a) Chậm nhất là 90 ngày trước ngày hết hạn bổ nhiệm, đơn vị phải tiến hành quy trình bổ nhiệm lại để quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

b) Điều kiện bổ nhiệm lại

- Được cấp có thẩm quyền đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

- Đạt tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của ngành y tế Thành phố tại thời điểm xem xét bổ nhiệm lại, đáp ứng được yêu cầu công tác trong thời gian tiếp theo, hợp đồng làm việc với bệnh viện còn hiệu lực;

- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu;

- Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.

3. Về từ chức:

a) Cán bộ giảng viên có nguyện vọng xin từ chức phải làm đơn xin từ chức, nêu rõ lý do từ chức;

b) Trong thời hạn 1 tháng, kể từ khi nhận được đơn từ chức, cơ quan quản lý trực tiếp viên chức lãnh đạo phải xem xét quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Nếu được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng quyết định thì được từ chức và bố trí công việc khác phù hợp với năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ. Khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì vẫn phải thực hiện chức trách, nhiệm vụ đang đảm nhận.

4. Về miễn nhiệm:

a) Cán bộ giảng viên được cấp có thẩm quyền miễn nhiệm và bố trí công tác khác, không nhất thiết phải chờ đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định;

b) Cán bộ giảng viên được bố trí sang công tác khác hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới thì đương nhiên thôi giữ chức vụ đang giữ. Trừ trường hợp có quyết định giao kiêm nhiệm của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Giám đốc các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế có thẩm quyền ban hành quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ các cán bộ giảng viên giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa sau khi có văn bản thỏa thuận của các Trường Đại học chuyên ngành y dược và văn bản chấp thuận của Sở Y tế Thành phố.

Điều 6. Về hợp đồng làm việc

1. Để bổ nhiệm cán bộ giảng viên, Bệnh viện phải ký hợp đồng làm việc theo quy định của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Thời gian của hợp đồng làm việc tối thiểu phải bằng thời gian giữ chức vụ.

2. Trong hợp đồng làm việc phải quy định rõ cam kết về thời gian thực hiện công tác giảng viên, thời gian thực hiện công tác chuyên môn, thời gian thực hiện công tác quản lý.

3. Cán bộ giảng viên được hưởng một khoản thù lao được quy định trong hợp đồng và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 7. Về trách nhiệm xử lý kỷ luật

1. Cán bộ giảng viên được giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố khi vi phạm kỷ luật tại Bệnh viện, Bệnh viện phải tổ chức họp kiểm điểm, nếu xét thấy phải xử lý kỷ luật, Bệnh viện báo cáo kết quả về Trường Đại học chuyên ngành y dược đang quản lý viên chức, trong đó có kiến nghị hình thức kỷ luật. Trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật theo quy định thuộc về Trường Đại học chuyên ngành y dược đang quản lý viên chức. Bệnh viện cử đại diện tham dự họp Hội đồng kỷ luật của Trường.

2. Cán bộ giảng viên được giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố khi vi phạm kỷ luật tại Trường Đại học chuyên ngành y dược, các Trường Đại học chuyên ngành y dược có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật và thông báo kết quả xử lý đến Bệnh viện nơi cán bộ giảng viên đang giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa.

3. Cán bộ giảng viên được giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố khi vi phạm kỷ luật tại Bệnh viện hoặc tại Trường Đại học chuyên ngành y được đều bị xem xét tiếp tục hợp đồng làm việc và miễn nhiệm chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa tùy theo mức độ hành vi vi phạm kỷ luật.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM

Điều 8. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm theo quy định tại Điều 7 của Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo, cụ thể như sau:

- a) Lãnh đạo Bệnh viện đề xuất nhân sự hoặc cấp có thẩm quyền giới thiệu.
- b) Tập thể lãnh đạo và Cấp ủy Bệnh viện thảo luận thống nhất về chủ trương.
- c) Đại diện lãnh đạo Bệnh viện gặp cán bộ giảng viên được đề nghị bổ nhiệm trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.
- d) Có sự chấp thuận bằng văn bản của Trường Đại học chuyên ngành y dược nơi đang quản lý cán bộ giảng viên.
- đ) Lấy ý kiến của Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của Bệnh viện, tập thể viên chức của khoa về việc bổ nhiệm cán bộ giảng viên; thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết.
- e) Giám đốc Bệnh viện ký hợp đồng làm việc và đề nghị Sở Y tế xem xét chấp thuận bổ nhiệm trong trường hợp thiếu tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của ngành y tế Thành phố. Sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện ra quyết định bổ nhiệm cán bộ giảng viên.
- g) Quyết định bổ nhiệm và lý lịch trích ngang của người được bổ nhiệm gửi về Sở Y tế 01 bản để báo cáo.

2. Hồ sơ bổ nhiệm, gồm:

a) Công văn đề nghị của đơn vị gửi Sở Y tế xem xét chấp thuận trong trường hợp thiếu tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của ngành y tế Thành phố.

b) Công văn chấp thuận của Sở Y tế.

c) Công văn hoặc biên bản làm việc chấp thuận từ đơn vị nơi cán bộ giảng viên đang công tác.

d) Biên bản họp của tập thể viên chức của khoa cần được bổ nhiệm lãnh đạo là cán bộ giảng viên.

đ) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của các thành viên trong buổi họp tập thể viên chức của khoa cần được bổ nhiệm lãnh đạo là cán bộ giảng viên.

e) Biên bản họp cán bộ chủ chốt.

g) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của các thành viên trong buổi họp cán bộ chủ chốt.

h) Biên bản họp Cấp ủy và Ban Giám đốc (đối với đơn vị không có cấp ủy thì họp Chi bộ và Ban Giám đốc).

i) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của các thành viên trong buổi họp Cấp ủy và Ban Giám đốc.

k) Hợp đồng làm việc giữa Giám đốc Bệnh viện và cán bộ giảng viên.

l) Sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008.

m) Quyết định bổ nhiệm (nếu có).

n) Kê khai tài sản, thu nhập.

o) Quyết định lương hiện hưởng.

p) Đánh giá công chức, viên chức của năm gần nhất với thời điểm bổ nhiệm.

q) Nhận xét của Đảng bộ nơi cư trú (nếu là đảng viên).

r) Văn bằng chứng chỉ.

Điều 9. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm lại

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định tại Điều 11 của Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo.

a) Cán bộ giảng viên làm báo cáo tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ gửi Giám đốc Bệnh viện;

b) Tập thể viên chức khoa, phòng họp, tham gia ý kiến, bỏ phiếu tín nhiệm. Người được đề nghị bổ nhiệm lại phải được đa số phiếu tán thành. Sau đó gửi biên bản lên Giám đốc Bệnh viện;

c) Tổ chức họp lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt của Bệnh viện (bao gồm Ban Giám đốc, trưởng phó khoa phòng, điều dưỡng trưởng khoa, kỹ thuật viên trưởng khoa, đại diện các đoàn thể); nhận xét, đánh giá ưu khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu của người được bổ nhiệm lại; bỏ phiếu tín nhiệm. Người được đề nghị bổ nhiệm lại phải được đa số phiếu tán thành;

d) Cấp ủy và Ban Giám đốc Bệnh viện (đối với đơn vị không có Cấp ủy thì chỉ bộ và Ban Giám đốc) họp thảo luận và bỏ phiếu tín nhiệm. Người được đề nghị bổ nhiệm lại phải được đa số phiếu tán thành;

đ) Sau khi trao đổi trong Ban Giám đốc, Cấp ủy đơn vị, xin ý kiến chấp thuận từ Sở Y tế trong trường hợp thiếu tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của ngành y tế Thành phố và Trường Đại học chuyên ngành y dược nơi cán bộ giảng viên đang công tác, Giám đốc Bệnh viện ban hành quyết định bổ nhiệm lại;

e) Quyết định bổ nhiệm lại và lý lịch trích ngang theo quy định của người được bổ nhiệm gửi về Sở Y tế 01 bản để báo cáo.

2. Hồ sơ bổ nhiệm lại, gồm có:

a) Công văn đề nghị của đơn vị gửi Sở Y tế xem xét chấp thuận trong trường hợp thiếu tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của ngành y tế Thành phố.

b) Công văn chấp thuận của Sở Y tế.

c) Công văn hoặc biên bản làm việc chấp thuận từ đơn vị nơi cán bộ giảng viên đang công tác.

d) Báo cáo tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

đ) Biên bản họp của tập thể viên chức của khoa.

e) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của các thành viên trong buổi họp tập thể viên chức của khoa.

- g) Biên bản họp cán bộ chủ chốt.
- h) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của các thành viên trong buổi họp cán bộ chủ chốt.
- i) Biên bản họp Cấp ủy và Ban Giám đốc (đối với đơn vị không có cấp ủy thì họp Chi bộ và Ban Giám đốc).
- k) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của các thành viên trong buổi họp Cấp ủy và Ban Giám đốc.
- l) Hợp đồng làm việc còn hiệu lực giữa Giám đốc Bệnh viện và cán bộ giảng viên.
- m) Sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008.
- n) Quyết định bổ nhiệm cũ.
- o) Kê khai tài sản, thu nhập.
- p) Quyết định lương hiện hưởng.
- q) Đánh giá công chức, viên chức của năm gần nhất với thời điểm bổ nhiệm.
- r) Nhận xét của Đảng bộ nơi cư trú (nếu là đảng viên).
- s) Văn bằng chứng chỉ.

Điều 10. Về trình tự, thủ tục từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý

Theo quy định tại Điều 16, 17, 18 của Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo.

1. Hồ sơ xin từ chức gồm có:

- a) Đơn xin từ chức, nội dung đơn phải nêu rõ lý do xin từ chức;
- b) Ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản của Giám đốc Bệnh viện và Cấp ủy đối với cán bộ giảng viên xin từ chức;
- c) Quyết định của Giám đốc Bệnh viện về việc chấp thuận từ chức (hoặc không chấp thuận từ chức) và chuyển công việc khác đối với cán bộ giảng viên.

2. Hồ sơ miễn nhiệm gồm có:

- a) Ý kiến nhận xét, đánh giá và lý do bằng văn bản của Giám đốc Bệnh viện cùng Cấp ủy đề nghị miễn nhiệm đối với cán bộ giảng viên;

b) Quyết định của Giám đốc Bệnh viện về việc miễn nhiệm và chuyển công việc khác đối với cán bộ giảng viên.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các viên chức lãnh đạo, quản lý là giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố, các bệnh viện trên địa bàn Thành phố, các Trường Đại học chuyên ngành y dược cử giảng viên để bổ nhiệm chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào Quy chế này để triển khai thực hiện và báo cáo kết quả việc thực hiện theo định kỳ 06 tháng và hàng năm về Sở Y tế để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

3. Bệnh viện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa tại đơn vị, theo dõi, tổng hợp chung kết quả việc thực hiện Quy chế này báo cáo về Sở Y tế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần xem xét, sửa đổi, bổ sung, đề nghị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ xem xét trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2014/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định khu vực khi xây dựng phải có giấy phép xây dựng, quy mô công trình xây dựng có thời hạn, công trình trên đất nông nghiệp khác và công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2014 của UBND Thành Phố trên địa bàn huyện Bình Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2012 của Chính Phủ về cấp phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 tháng 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 722/TTr-QLĐT-CPXD ngày 05 tháng 12 năm 2014;

Xét Báo cáo số 731/BC-TP ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Quy định khu vực khi xây dựng phải có giấy phép xây dựng và những khu vực nông thôn thuộc thẩm quyền cấp phép xây dựng của Ủy ban nhân dân xã**

1. Toàn bộ địa bàn huyện Bình Chánh khi xây dựng chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ những công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 4 tháng 9 năm 2012 của Chính Phủ và Quyết định 27/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành Phố.

2. Ủy ban nhân dân xã cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ nông thôn nằm trong các khu vực quy hoạch chức năng là đất nông nghiệp và các điểm, tuyến dân cư nông thôn theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Chánh đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và các Đồ án quy hoạch xây dựng xã Nông thôn mới được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh phê duyệt (trừ địa bàn thị trấn Tân Túc, xã Tân Kiên, xã Phong Phú, xã Bình Hưng và xã An Phú Tây).

3. Trường hợp lô đất ở có một phần nằm trong khu vực quy hoạch đô thị và một phần nằm trong khu vực quy hoạch là đất nông nghiệp hoặc các điểm, tuyến dân cư nông thôn thì thuộc thẩm quyền cấp phép xây dựng của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 2. Quy định quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo Khoản 2 Điều 2 Quyết định 27/2014/QĐ-UBND

Công trình, nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực không phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được cấp phép xây dựng có thời hạn, quy mô tối đa 3 tầng (không kể tầng lửng tại tầng 01 và mái che cầu thang tại sân thượng nếu có).

2. Quy mô cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo Khoản 1 Điều 3 Quyết định 27/2014/QĐ-UBND

Nhà ở riêng lẻ hiện hữu có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong phạm vi quy hoạch lộ giới mở rộng của các tuyến đường, hẻm; trong phạm vi quy hoạch các

nút giao thông trong đô thị đã được phê duyệt và công bố, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện theo quy hoạch, được sửa chữa, cải tạo theo qui mô cũ hoặc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:

a) Qui mô tối đa 2 tầng (không kể tầng lửng tại tầng 01 và mái che cầu thang tại sân thượng nếu có) đối với nhà nằm trong lộ giới các tuyến đường có lộ giới từ 30m;

b) Qui mô tối đa 03 tầng (không kể tầng lửng tại tầng 01 và mái che cầu thang tại sân thượng nếu có) đối với nhà nằm trong lộ giới các tuyến đường có lộ giới dưới 30m.

3. Quy mô cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo Điểm a Khoản 2 Điều 3 Quyết định 27/2014/QĐ-UBND

a) Đối với nhà ở riêng lẻ hiện hữu trên đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư mà hộ gia đình, cá nhân đã xây dựng và sử dụng ổn định nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 (kể cả các trường hợp tự khai thác, lấn chiếm đất nhà nước mà Nhà nước không quản lý, sử dụng), không có tranh chấp, khiếu nại; đã tồn tại trước khi có quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 (hay quy hoạch phân khu) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và công bố; nhưng qua rà soát, điều chỉnh vẫn không phù hợp quy hoạch là đất ở, được xét cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, qui mô tối đa 2 tầng (không kể tầng lửng tại tầng 01 và mái che cầu thang tại sân thượng nếu có);

b) Đối với nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực có chức năng quy hoạch là đất công trình công cộng và khu vực quy hoạch là đường dự phóng có lộ giới từ 30m trở lên; những khu vực khác, được xây dựng qui mô tối đa 3 tầng (không kể tầng lửng tại tầng 01 và mái che cầu thang tại sân thượng nếu có).

4. Quy mô cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo Khoản 5 Điều 3 Quyết định 27/2014/QĐ-UBND

Nhà, đất nằm trong phạm vi quy hoạch lộ giới các tuyến đường xa lộ, quốc lộ, cao tốc; trong phạm vi quy hoạch các nút giao thông và trong phạm vi quy hoạch các tuyến đường sắt đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và công bố, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quy hoạch và nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:

a) Qui mô tối đa 2 tầng (không kể tầng lửng tại tầng 01 và mái che cầu thang tại sân thượng nếu có), đối với nhà đất thuộc phạm vi quy hoạch lộ giới tuyến xa lộ, quốc lộ, cao tốc (nằm ngoài giới hạn hành lang an toàn đường bộ hiện hữu), trong phạm vi quy hoạch nút giao thông;

b) Qui mô tối đa 3 tầng (không kể tầng lửng tại tầng 01 và mái che cầu thang tại sân thượng nếu có), đối với nhà, đất thuộc phạm vi quy hoạch các tuyến đường sắt (ranh hướng tuyến và hành lang bảo vệ tuyến chưa được phê duyệt và công bố).

Điều 3. Quy định xây dựng công trình trên đất nông nghiệp có mục đích sử dụng là đất nông nghiệp khác theo qui định của pháp luật đất đai

1. Chủ đầu tư phải xin giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình trên đất nông nghiệp không thuộc quy hoạch xây dựng đô thị, không thuộc quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xã nông thôn mới), có kết cấu từ bán kiên cố trở lên (cột, khung bằng bê tông cốt thép hoặc thép hình).

2. Đối với hàng rào trên đất nông nghiệp:

a) Hàng rào có kết cấu tạm, không làm móng trụ hàng rào (cột cây, trụ đá, trụ bê tông đúc sẵn, kéo kẽm gai hoặc lưới thép...) thì không cần giấy phép xây dựng. Trước khi khởi công xây dựng 07 ngày làm việc, chủ đầu tư công trình phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công kèm theo sơ đồ bố trí công trình cho Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi công trình xây dựng, để kiểm tra, theo dõi việc xây dựng của chủ đầu tư.

b) Hàng rào trên đất nông nghiệp có kết cấu kiên cố hoặc bán kiên cố (loại hàng rào có móng trụ và có xây tường gạch), trước khi khởi công chủ đầu tư phải lập thủ tục xin phép xây dựng, hàng rào chỉ được phép xây dựng ở dạng lưới thép trống thoáng; Chỉ cho phép xây dựng chân tường rào bằng vật liệu bán kiên cố cao tối đa 01m (so với mặt đất tự nhiên);

c) Hàng rào tiếp giáp đường đi phải có khoảng lùi đúng lộ giới. Đối với đường chưa có quy định lộ giới, khoảng lùi tối thiểu 3m từ tim đường hoặc tối thiểu 1,5m từ mép đường đối với đường có hiện trạng chiều rộng lớn hơn 3m (chủ đầu tư phải có cam kết chấp hành tự tháo dỡ hàng rào khi nhà nước thực hiện quy hoạch);

Điều 4. Quy định về công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng

1. Công trình phục vụ sinh hoạt thể dục, thể thao ngoài trời: Sân tập luyện, thi đấu các môn thể dục, thể thao phong trào ngoài trời; sân chơi dành cho thiếu nhi, lắp đặt thiết bị phục vụ thể dục thể thao ngoài trời. Diện tích khu đất phải phù hợp với loại hình sinh hoạt thể dục, thể thao theo tiêu chuẩn ngành; quy mô tối đa 1 tầng, có các công trình phụ trợ; mật độ xây dựng tối đa 5% diện tích đất khuôn viên (bao gồm cả công trình phụ trợ); phải đảm bảo đủ chỗ đậu xe cho người tham gia sinh hoạt.

2. Công trình phục vụ sinh hoạt thể dục, thể thao trong nhà: Nhà tập luyện, thi

đầu các môn thể dục, thể thao phong trào trong nhà. Diện tích khu đất phải phù hợp với loại hình sinh hoạt thể dục, thể thao theo tiêu chuẩn ngành; quy mô công trình xây dựng tối đa 1 tầng; mật độ xây dựng tối đa 40% diện tích đất khuôn viên (bao gồm cả công trình phụ trợ); phải đảm bảo đủ chỗ đậu xe cho người tham gia sinh hoạt.

3. Công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa cộng đồng ngoài trời: Nhà hàng (quán ăn) sân vườn; Khu câu cá, giải trí; sân khấu văn nghệ ngoài trời; công viên văn hóa chuyên đề. Quy mô công trình xây dựng tối đa 1 tầng; mật độ xây dựng tối đa 25% diện tích đất khuôn viên (bao gồm cả công trình phụ trợ); phải đảm bảo đủ chỗ đậu xe cho người tham gia sinh hoạt.

4. Công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong nhà: Thư viện; nhà bảo tàng; chợ truyền thống nông thôn. Diện tích khu đất phải phù hợp với loại hình sinh hoạt theo tiêu chuẩn ngành. Quy mô công trình xây dựng tối đa 1 tầng; mật độ xây dựng tối đa 40% diện tích đất khuôn viên (bao gồm cả công trình phụ trợ); phải đảm bảo đủ chỗ đậu xe cho người tham gia sinh hoạt.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn huyện Bình Chánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tươi

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009; Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010; Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996; Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 ; Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8645/TTr-TNMT-PC ngày 23 tháng 12 năm 2013; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 4032/STP-VB ngày 14 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân và mục đích áp dụng hạn mức như sau:

1. Hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân:

a) Các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú không quá 160m²/hộ.

b) Các Quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Thủ Đức và thị trấn các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè không quá 200m²/hộ.

c) Khu quy hoạch phát triển đô thị không quá 250m²/hộ.

d) Huyện Cần Giờ và các khu dân cư nông thôn không quá 300m²/hộ.

2. Hạn mức đất ở quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng cho các mục đích sau:

a) Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân tự xây nhà ở.

b) Cho phép hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất để tự xây nhà ở.

c) Xác định nghĩa vụ tài chính trong các trường hợp sau:

- Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân tự xây nhà ở;

- Cho phép hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở;

- Cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản khác gắn liền với đất” đối với đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất;

- Bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

- Thu thuế sử dụng đất ở.

d) Bồi thường, hỗ trợ về đất ở cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất.

đ) Công nhận quyền sử dụng đất ở đối với trường hợp đất ở có vườn, ao.

Điều 2. Công nhận quyền sử dụng đất ở đối với trường hợp đất ở có vườn, ao

1. Đối với đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư được sử dụng trước hoặc sau ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà trong hồ sơ địa chính hoặc trên các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai có ghi nhận rõ ranh giới thửa đất ở

(hoặc thổ cư) thì diện tích đất ở được xác định theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai.

2. Đối với đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở người đang sử dụng có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở theo quy định tại Khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định như sau:

a) Trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định bằng năm (05) lần hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

b) Trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định bằng một (01) lần hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

3. Đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định theo mục b, Khoản 2, Điều này.

4. Các trường hợp sử dụng đất theo Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này khi xác định diện tích đất ở thì tổng diện tích đất ở không được vượt quá diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng. Sau khi đã xác định diện tích đất ở theo quy định tại Điều này thì phần diện tích còn lại được xác định theo hiện trạng loại đất đang sử dụng.

Điều 3. Hạn mức đất ở áp dụng hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996; Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ

1. Các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú không quá 200m²/hộ.

2. Các Quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Thủ Đức và thị trấn các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè không quá 250m²/hộ.

3. Khu quy hoạch phát triển đô thị không quá 300m²/hộ.

4. Huyện Cần Giờ và các khu dân cư nông thôn không quá 400m²/hộ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây của Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Quyết định số 4758/QĐ-UB-QLĐT ngày 15 tháng 10 năm 1996 về định mức đất ở hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở.

b) Quyết định số 64/2001/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Quyết định số 225/2005/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 quy định về hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở theo Luật Đất đai năm 2003.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3857/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về đính chính Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hạn mức đất ở
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 930/STP-KTrVB ngày 26 tháng 02 năm 2014 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1954/TNMT-PC ngày 02 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính số, ký hiệu và căn cứ ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tại số, ký hiệu của Quyết định số 70/QĐ-UBND có ghi «số: 70/QĐ-UBND», nay đính chính thành «số: 70/2014/QĐ-UBND».

2. Tại phần căn cứ ban hành của Quyết định số 70/QĐ-UBND có ghi: «*căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007; Nghị định số số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009; Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010; Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013*», nay đính chính lại như sau:

«Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư - đã được đính chính tại văn bản 181/ĐC-CP ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước».

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục Thuế Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5209/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Hệ thống các trường đại học,
cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Hệ thống các trường đại học, cao đẳng tại vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 và tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 64/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành điều kiện và thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường đại học, học viện;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng

Căn cứ Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án quy hoạch sử dụng đất cho các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trung học nghề và bệnh viện trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5880/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo thực hiện đề án quy hoạch sử dụng đất cho các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trung học nghề và bệnh viện trên địa bàn Thành phố thành Ban Chỉ đạo quy hoạch xây dựng các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2898/TTr-SQHKT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về trình duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

- *Phạm vi nghiên cứu:* bao gồm vùng Thành phố Hồ Chí Minh với các đơn vị hành chính: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tỉnh Bình Phước, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang.

- *Phạm vi, ranh giới lập đồ án:* bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích 2.095 km², với 24 đơn vị hành chính trong đó gồm 19 quận và 5 huyện.

+ Phần nội thành bao gồm các quận nội thành cũ: 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Tân Bình, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Gò Vấp (12 quận).

+ Phần ngoại thành là các quận mới và huyện ngoại thành còn lại.

- Thời hạn lập quy hoạch:

+ Quy hoạch ngắn hạn : năm 2010 - 2015

+ Quy hoạch dài hạn : năm 2015 - 2025

2. Mục tiêu của Nhiệm vụ quy hoạch

- Xác định cụ thể quỹ đất và địa điểm xây dựng mới các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giải quyết những khó khăn, bất cập về điều kiện cơ sở vật chất của các trường đại học, cao đẳng hiện hữu và giảm áp lực cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông trong nội thành của Thành phố Hồ Chí Minh. Đáp ứng nhu cầu sử dụng đất phù

hợp, với cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, tương đương trình độ quốc tế, đảm bảo các chỉ tiêu phát triển bền vững.

- Mở rộng hợp lý quy mô đào tạo đại học, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài; đồng thời, thực hiện điều chỉnh cơ cấu hệ thống đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội; gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, đời sống xã hội.

- Khuyến khích đào tạo những ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp; cân đối hợp lý cơ cấu đào tạo giữa các ngành nghề, giữa khoa học cơ bản, khoa học kỹ thuật - công nghệ; bảo đảm tính liên thông giữa các loại hình, các trình độ đào tạo. Cải cách mô hình đào tạo hiện nay. Xây dựng trường đại học gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và ứng dụng. Đến năm 2025, Thành phố Hồ Chí Minh hình thành một số trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Mở rộng và phát triển hệ thống các trường tư thục nhằm huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, trên cơ sở phải bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của Thành phố và khu vực.

3. Danh mục hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch gồm:

- Thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng, tỷ lệ 1/50.000;

+ Bản đồ ranh giới và phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch, tỷ lệ 1/50.000.

4. Dự báo quy mô sinh viên, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch.

4.1. Dự báo quy mô sinh viên:

Dự kiến quy mô sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh: **700.000 - 850.000** sinh viên, phân bổ cụ thể như sau:

a) Khu vực nội thành:

- Quy mô sinh viên hiện hữu : **620.300 sinh viên**

- Quy mô sinh viên dự kiến đến năm 2025: **100.000 - 150.000** sinh viên

b) Khu vực ngoại thành:

b.1. Tại các khu đại học tập trung :

- Quy mô sinh viên dự kiến đến năm 2025: **500.000 - 550.000** sinh viên

b.2. Tại các trường đại học, cao đẳng riêng lẻ:

- Quy mô sinh viên dự kiến đến năm 2025: **100.000 - 150.000** sinh viên

4.2. Dự báo quy mô sử dụng đất:

a) Quy mô sử dụng đất xây dựng đại học cao đẳng trong nội thành:

- Tổng quy mô sử dụng đất hiện hữu: **khoảng 83,5 ha**

- Dự kiến khu vực nội thành tổng quy mô diện tích còn lại khoảng: **50ha**, tại các cơ sở này, chủ yếu là đào tạo sinh viên sau đại học, nghiên cứu sinh ...

b) Dự báo quy mô sử dụng đất xây dựng đại học cao đẳng tại khu vực ngoại thành:

b.1. Khu đại học tập trung:

- Tổng diện tích đất các khu đại học tập trung ở ngoại thành khoảng **2.200 ha**, trong đó:

+ Tổng diện tích đất dành cho trung tâm đào tạo đại học, nghiên cứu khoa học khoảng **1.545 ha**, bố trí tại các khu vực như sau :

○ Ở phía Nam, trong Khu đô thị Nam Thành phố có diện tích khoảng 130ha và ở huyện Nhà Bè có diện tích khoảng 115ha;

○ Ở phía Tây thuộc huyện Bình Chánh có diện tích khoảng 500ha;

○ Ở phía Đông tại Quận 9 có diện tích khoảng 200ha;

○ Ở phía Bắc tại huyện Củ Chi, Hóc Môn có diện tích khoảng 600ha.

+ Quy mô diện tích đất Khu Đại học Quốc gia Thành phố (bao gồm cả phần đất thuộc tỉnh Bình Dương): **643 ha**.

b.2. Các trường đại học, cao đẳng riêng lẻ tại khu vực ngoại thành:

- Tổng quy mô diện tích cho các trường đại học, cao đẳng riêng lẻ tại khu vực ngoại thành khoảng **400 - 500 ha**, trong đó:

+ Tổng diện tích các cơ sở trường riêng lẻ hiện hữu tại ngoại thành còn khoảng **200ha**.

+ Tổng diện tích các trường riêng lẻ xây dựng mới khu vực ngoại thành có quy mô khoảng: **230 - 300 ha**.

4.3. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

- Chỉ tiêu áp dụng mô hình Đô thị đại học : **50 - 65** m²/sinh viên
- Chỉ tiêu áp dụng mô hình Khu đại học tập trung : **40 - 50** m²/sinh viên
- Chỉ tiêu áp dụng mô hình Trường đơn lẻ :
- + Tại nội thành : **≥ 3** m²/sinh viên
- + Tại ngoại thành : **≥ 25** m²/sinh viên, với:
- Diện tích xây dựng cơ sở chính của trường : **≥ 5** ha đối với đại học
- Tổng diện tích đất xây dựng trường : **≥ 5** ha đối với cao đẳng

4.4. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp nước tối thiểu :
- + Khu tập thể giáo viên : 120 lít/người/ngày.đêm
- + Ký túc xá : 120 lít/người/ngày.đêm
- + Trụ sở, hành chính, giảng đường : 15 lít/người/ngày.đêm
- Chỉ tiêu thoát nước tối thiểu :
- + Khu tập thể giáo viên : 120 lít/người/ngày.đêm
- + Ký túc xá : 120 lít/người/ngày.đêm
- + Trụ sở, hành chính, giảng đường : 15 lít/người/ngày.đêm
- Chỉ tiêu cấp điện tối thiểu :
- + Khu văn phòng : 25 - 50 W/m² sàn
- + Ký túc xá : 150 - 300 W/m² sàn
- + Khu thí nghiệm, xưởng thực hành : 150 - 250 W/m² sàn

5. Nguyên tắc cơ bản khi lập đồ án.**5.1. Điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu:**

- Phân tích mối liên hệ tương quan trong nội bộ hệ thống mạng lưới đại học, cao đẳng tại Thành phố Hồ Chí Minh, đối với vùng và cả nước về tính chất đào tạo, quan hệ không gian, các vấn đề kinh tế xã hội và môi trường đô thị.

- Xác định nhu cầu phát triển giáo dục của Thành phố Hồ Chí Minh đối với sự phát triển chung trong toàn vùng đô thị.

- Dự báo tính chất và quy mô phát triển trên cơ sở tổng hợp ý kiến chuyên gia, khảo sát nhu cầu thực tế từng địa bàn tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Khi nghiên cứu đồ án cần đề xuất các tiêu chí cụ thể cho riêng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng giữ lại quy mô sinh viên, các cơ sở đào tạo trong nội thành cho phù hợp với nhu cầu phát triển chung của Thành phố. Phần còn lại sẽ bố trí ra ngoại thành theo đúng quy định; đồng thời đề xuất kiến nghị các tỉnh lân cận trong vùng Thành phố Hồ Chí Minh cũng sớm có các chính sách phù hợp để thu hút lượng sinh viên di chuyển từ Thành phố ra phù hợp với đồ án quy hoạch hệ thống đại học cao đẳng ở cấp vùng đô thị.

5.2. Định hướng phát triển các trường đại học:

- Hình thành các khu đô thị đại học, khu đại học tập trung phù hợp với mô hình phát triển tiên tiến và Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025. Đó là mô hình phát triển tập trung các trường để sử dụng chung và chia sẻ các tiện ích công cộng (đầu mối giao thông, khu thể thao, cây xanh, vui chơi giải trí, ký túc xá cho sinh viên, nhà ở cho giáo viên...); quy hoạch với mật độ xây dựng thấp, tăng cường mảng xanh, công viên sinh thái.

- Các khu đô thị đại học, khu đại học tập trung được xác định gắn với việc xác định đầu tư phát triển các khu đô thị vệ tinh của Thành phố. Các sinh hoạt nghiên cứu, học tập, giảng dạy của khu đại học, cao đẳng, dạy nghề gắn kết mật thiết với hạ tầng xã hội của đô thị vệ tinh.

- Các khu đô thị đại học, khu đại học tập trung phải được kết nối với trung tâm Thành phố và các khu chức năng khác của Thành phố bằng những tuyến giao thông chính với các phương tiện chuyên chở hiện đại (metro, tramway, bus, ...).

- Phân bố lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng theo hướng giãn dần từ nội thành ra ngoại thành, di chuyển ra các tỉnh hoặc thành lập các phân hiệu, trường mới tại các tỉnh trong vùng. Hình thành những trung tâm đào tạo mới gắn với các trục tăng trưởng kinh tế, các cực và các trung tâm đô thị động lực, tiếp cận trực tiếp với các vùng sản xuất trọng điểm nhằm thu hút nguồn nhân lực có hàm lượng chất xám cao cho Thành phố.

- Vị trí xây dựng mới các trường đại học không phụ thuộc vào mật độ dân số cũng như số lượng dân cư hiện hữu mà phụ thuộc vào quy hoạch phát triển đô thị trên cơ sở định hướng phát triển hệ thống các trường của Thành phố Hồ Chí Minh. Các trường mới thành lập sẽ được bố trí quỹ đất phù hợp với chức năng và nhu cầu đào tạo, tùy thuộc vào quy mô và cấp xây dựng trường đại học để xác định mối quan hệ giữa trường đại học với các chức năng trong đô thị, diện tích xây dựng, bố trí các cơ sở giảng dạy, thực hành, nghiên cứu, rèn luyện thể chất...

5.3. Cơ cấu tổ chức không gian đại học theo tầng bậc:

- Hệ thống các trường đại học với hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tạo nên nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước, bố trí liên kết với các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học đầu ngành có tầm cỡ khu vực, quốc tế, gắn chặt nghiên cứu với đào tạo, sản xuất, kinh doanh tạo nên các sản phẩm công nghệ cao cho vùng và cả nước.

- Đại học Quốc gia sẽ là trường đại học trọng điểm, đào tạo chất lượng cao, đào tạo sau đại học, trường tiêu chuẩn đẳng cấp quốc tế sẽ được phát triển gắn kết mật thiết với đô thị trung tâm hạt nhân, các khu trọng điểm phát triển kinh tế quốc gia

- Các trường đại học trọng điểm vùng; đại học, học viện đào tạo các ngành nghề kỹ thuật - công nghệ, kinh tế, luật, sư phạm và các lĩnh vực khác có gắn với kinh tế - kỹ thuật sẽ được phát triển tại các khu vực thuộc Quận 9, Quận 7, Nhà Bè... hoặc các hành lang kinh tế động lực của Thành phố liên kết vùng, như với tuyến Xa lộ Hà Nội, Quốc lộ 1, Quốc lộ 22,...

- Các trường đại học, học viện đào tạo các ngành nghề y tế, văn hóa - xã hội phát triển gắn với các vùng đô thị lớn đông dân cư nơi địa hình cảnh quan, giao thông thuận lợi như huyện Củ Chi, Bình Chánh.

5.4. Tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung:

- Các khu đô thị đại học, khu đại học tập trung phải được kết nối với trung tâm Thành phố và các khu chức năng khác của Thành phố bằng những tuyến giao thông chính với các phương tiện chuyên chở hiện đại (metro, tramway, bus, ...).

- Hệ thống khung hạ tầng: tuân thủ cơ bản theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010; chỉ vi chỉnh các nội dung được cập nhật mới tại thời điểm hiện tại, đề xuất kiến nghị lộ trình thực hiện. Cập nhật hệ thống các quốc lộ hướng tâm hiện tại được nâng cấp, cải tạo, các dự án giao thông liên vùng như các đường cao tốc: Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây - Đà Lạt... để đề xuất cụ thể các hướng tuyến giao thông kết nối với các khu đô thị đại học, khu đại học tập trung tạo thuận lợi cho quá trình dịch chuyển và phân bố lại mạng lưới giáo dục đại học.

- Các đô thị được dự kiến bố trí mới cơ sở đào tạo có quy mô lớn, phải nghiên cứu đề xuất cụ thể về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Khu Đại học quy mô 172 ha thuộc phường Long Phước, Khu Đại học VIUT 306ha, các Khu đại học, cao đẳng thuộc Khu đô thị Tây Bắc, Khu Đại học quy mô 115 ha thuộc

xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Khu Đại học Hưng Long quy mô 500 thuộc huyện Bình Chánh.

5.5. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá tác động xã hội, môi trường trong quy hoạch xây dựng hệ thống các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích xác định các rủi ro về mặt xã hội, môi trường liên quan đến xây dựng hệ thống các trường đại học, cao đẳng. Từ đó xác định cách thức quản lý, theo dõi, giảm nhẹ các rủi ro về xã hội, đảm bảo tính bền vững môi trường.

- Đánh giá tác động môi trường và xã hội trong quá trình quy hoạch xây dựng hệ thống các trường Đại học - Cao đẳng vùng Thành phố Hồ Chí Minh tập trung vào 3 lĩnh vực rủi ro chính sau:

+ Các rủi ro về xã hội: tối đa hóa lợi ích dân cư khu vực quy hoạch và khu vực di dời;

+ Các rủi ro về môi trường: Khả năng đáp ứng các nguồn tài nguyên, khả năng chịu tải các thành phần môi trường...;

+ Các rủi ro đến tính bền vững của thể chế như chính sách đền bù đất đai, tái định cư...;

6. Hồ sơ sản phẩm của đề án, tiến độ và tổ chức thực hiện:

6.1. Danh mục, hồ sơ sản phẩm của đề án: Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn Ban quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng thực hiện theo quy định.

6.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

a) Tiến độ thực hiện:

Thời gian lập, thẩm định và trình phê duyệt đề án: Tối đa 09 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ này được phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch (chủ đầu tư): Ban quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Đơn vị tư vấn: Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan thẩm định : Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phê duyệt : Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng (chủ đầu tư) và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu, các số liệu đánh giá hiện trạng, tính toán chỉ tiêu kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và trong hồ sơ, bản vẽ Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.

- Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch này được phê duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn Ban quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc) khẩn trương tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng Hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 trong thời hạn được nêu tại điểm 6.2, khoản 6, Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 được nêu tại khoản 3, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Giám đốc Ban quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc), Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc), Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6550/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát
văn bản quy phạm pháp luật năm 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6911/TTr-STP ngày 09 tháng 12 năm 2014;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6550/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2015 và Chương trình công tác ngành Tư pháp năm 2015;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 với những nội dung sau:

I. NỘI DUNG

1. Triển khai Kế hoạch công tác năm 2015

a) Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch này.

b) Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của quận, huyện

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: Chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch này.

2. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

a) Tổ chức tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- Đơn vị thực hiện: Sở - ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện; Hội đồng nhân dân xã, thị trấn; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: cả năm

b) Kiểm tra theo thẩm quyền đối với 100% văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành gửi đến Sở Tư pháp để kiểm tra; văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân xã, thị trấn, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn ban hành gửi đến Phòng Tư pháp quận, huyện để kiểm tra; kiên quyết xử lý hoặc kiến nghị xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật, chú trọng những lĩnh vực kinh tế-xã hội có nhiều bức xúc.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: cả năm

c) Tổ chức kiểm tra tại một số, Sở-ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện về thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra, kiểm tra văn bản theo thẩm quyền; công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời kết hợp đôn đốc thực hiện Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2015.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Quý 2/2015.

d) Tổ chức kiểm tra tại một số đơn vị có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định tại Quyết định số 42/2009/QĐ-TTG ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước (văn bản có nội dung bí mật nhà nước ban hành từ 01 tháng 10 năm 2013 đến thời điểm tự kiểm tra).

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Quý 4/2015.

3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

a) Công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ năm 2015 theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 01 năm 2015.

b) Rà soát thường xuyên, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực nhằm triển khai thi hành các Luật mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của từng Sở - ngành, tập trung những vấn đề liên quan đến thể chế kinh tế, sở hữu, quyền tự do kinh doanh, đất đai, môi trường; những vấn đề liên quan bức thiết đến đời sống nhân dân như công chứng, hộ tịch;

- Đơn vị thực hiện: Sở - ngành Thành phố.

- Thời gian thực hiện: Cả năm.

c) Tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn vị thực hiện: Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: Hoàn tất trước ngày 31 tháng 3 năm 2015.

4. Cập nhật dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo Kế hoạch chung của Bộ Tư pháp.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Giám đốc các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này tại Sở - ngành, quận, huyện, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo hướng dẫn và yêu cầu của Sở Tư pháp.

3. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra và rà soát văn bản áp dụng mức chi theo quy định của Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8

năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6563/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức thu phí sử dụng đường bộ tại Trạm thu phí qua cầu Phú Mỹ
theo Thông tư số 159/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 01 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về ban hành và sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư đường bộ;

Thực hiện Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa VIII, kỳ họp lần thứ 17 (kỳ họp bất thường),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Mỹ áp dụng mức thu phí sử dụng đường bộ tại Trạm thu phí qua cầu Phú Mỹ theo quy định tại Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/vé/lượt

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mức thu		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 02 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	15.000	450.000	1.200.000
2	Xe từ 12 đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	20.000	600.000	1.600.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	25.000	750.000	2.000.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng Container 20 feet	40.000	1.200.000	3.200.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; Xe chở hàng bằng container 40 feet	80.000	2.400.000	6.500.000

Điều 2. Thời gian thực hiện kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Mỹ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2015

CHỈ THỊ

Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2015

Năm 2014, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và nước ta phục hồi chậm, phải đối mặt với nhiều thử thách; quán triệt Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và Kết luận số 151-KL/TU của Thành ủy, với nỗ lực khắc phục khó khăn của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, Thành phố đã thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội và ngân sách, góp phần quan trọng kiềm chế lạm phát, duy trì tốc độ phát triển kinh tế hợp lý, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, góp phần cùng cả nước thực hiện tốt kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2014.

Năm 2015 là năm có ý nghĩa quan trọng, có nhiều sự kiện kỷ niệm lớn của đất nước và Thành phố, năm tiến hành đại hội Đảng các cấp, năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm (2011-2015), trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; căn cứ Kết luận số 238-KL/TU ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Hội nghị lần thứ 20 Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa IX về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, ngân sách năm 2014 và mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp chủ yếu năm 2015, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, dự toán và phân bổ ngân sách Thành phố năm 2015; để tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, khắc phục các hạn chế, vượt qua khó khăn, hoàn thành đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch

Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty và doanh nghiệp trực thuộc Thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Đẩy mạnh chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung tái cấu trúc kinh tế, đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng; tiếp tục thúc đẩy phát triển 9 nhóm ngành dịch vụ, 4 ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học - công nghệ và giá trị gia tăng cao; tăng tỷ trọng của các sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao, yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong GDP của Thành phố; rà soát, bổ sung chính sách tạo đột phá trong phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; huy động mọi nguồn lực hoàn thành cơ bản chương trình xây dựng nông thôn mới ở các xã trước tháng 5 năm 2015.

Hoàn thành tiến độ cổ phần hóa, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch. Triển khai các giải pháp đồng bộ, toàn diện tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết hàng tồn kho, nợ xấu; ổn định thị trường tín dụng, ngoại tệ, vàng. Chủ động nghiên cứu, xây dựng chính sách phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp khi nước ta gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các Hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, bình đẳng để phát triển các thành phần kinh tế và thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” gắn với triển khai sâu, rộng, hiệu quả Chương trình bình ổn thị trường, đảm bảo các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân, không để tăng giá đột biến.

2. Triển khai các biện pháp quản lý, khai thác và bồi dưỡng nguồn thu; phân loại nợ đọng thuế để đôn đốc, thu nộp thuế kịp thời, thu đúng, thu đủ, chống thất thu ngân sách Nhà nước, hoàn thành chỉ tiêu pháp lệnh. Triệt để tiết kiệm trong sử dụng ngân sách, kiên quyết cắt giảm các khoản chi chưa thật cần thiết; cắt giảm tối đa các khoản chi hội nghị, hội thảo, lễ hội, khởi công, khánh thành công trình và đi công tác nước ngoài; tăng cường thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí; tập trung công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị. Không mua xe công, trừ xe chuyên dụng theo quy định pháp luật, xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị mới thành lập.

Tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước. Thực hiện các giải pháp tạo nguồn bổ sung vốn đầu tư cho các dự án công ích trọng điểm, cấp bách, tạo hiệu quả lan tỏa; tránh đầu tư dàn trải, lãng phí. Triển khai quyết liệt các giải pháp thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm; kiên quyết cắt giảm vốn đầu tư các dự án chậm tiến độ.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng, công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc; triển khai đồng bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020 tầm nhìn 2025. Tranh thủ tối đa các nguồn vốn ODA để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn, có tác dụng lan tỏa gắn với thực hiện các chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định pháp luật để đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, tạo vốn, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước từ nhiều thành phần kinh tế. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc, triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở và các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Chỉ đạo thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình, chương trình trọng điểm kỷ niệm 40 năm Ngày giải phóng toàn miền Nam, thống nhất đất nước, các ngày lễ lớn trong năm 2015 và chào mừng Đại hội lần thứ X Đảng bộ Thành phố.

4. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết việc làm, tạo việc làm mới. Đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác đào tạo nghề, nâng cao số lượng, chất lượng tại các cấp đào tạo nghề. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế; đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các bệnh viện, khu điều trị kỹ thuật cao; tiếp tục kêu gọi đầu tư và xây dựng mới các bệnh viện tại các cửa ngõ thành phố; tập trung các giải pháp tạo chuyển biến căn bản tình trạng quá tải ở các bệnh viện. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao, đầu tư cơ sở vật chất để mở rộng và nâng cao chất lượng

phong trào thể thao quần chúng. Thực hiện đồng bộ 3 giải pháp chủ yếu để phát triển khoa học - công nghệ gồm: nâng cao trình độ nghiên cứu và năng lực sáng tạo khoa học - công nghệ; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ cao.

Hoàn thành Chương trình giảm hộ nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 4 theo tiến độ. Tổ chức thực hiện tích cực, sáng tạo, hiệu quả nhiều chính sách xã hội, chăm lo lợi ích chính đáng và hợp pháp của nhân dân, tạo sự đồng thuận sẻ chia, phát huy các nguồn lực xã hội theo phương châm “phát huy sức dân chăm lo cho dân”. Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện Đề án quản lý người nghiện ma túy trong thời gian chờ thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tăng cường quản lý người xin ăn, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú nhất định trên địa bàn.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; đẩy mạnh cải cách hành chính tiến tới xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, tổ chức cho người dân và doanh nghiệp đánh giá cán bộ, phát huy vai trò giám sát của mặt trận, đoàn thể đối với hoạt động của cán bộ, công chức, xử lý kịp thời những trường hợp nhũng nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức. Chuẩn bị đề án thi tuyển một số chức danh sở - ngành, quận - huyện, doanh nghiệp nhà nước.

6. Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân và khu vực phòng thủ vững chắc, gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Thành phố trong mọi tình huống. Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm; triển khai các giải pháp đồng bộ kéo giảm tai nạn giao thông; ngăn chặn, kiểm chế, kéo giảm số vụ cháy và thiệt hại về người và tài sản do cháy gây ra trên địa bàn.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tư pháp. Tổ chức đón tiếp chu đáo, trọng thị, an toàn tuyệt đối các đoàn khách quốc tế đến Thành phố Hồ Chí Minh; triển khai có hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã được ký kết; tăng cường, đổi mới hoạt động thông tin đối ngoại, chủ động quảng bá hình ảnh đất nước và thành phố để thu hút du khách, các nhà đầu tư nước ngoài và kiều bào tham gia xây dựng đất nước.

7. Các cấp, các ngành phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước. Tổ chức thông tin tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, chính xác về kết quả thực hiện Nghị quyết

Đại hội IX Đảng bộ thành phố; triển khai Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ thành phố; tổ chức trang trọng, thiết thực và an toàn tuyệt đối các ngày lễ trọng đại của đất nước, Thành phố; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

8. Về tổ chức thực hiện:

8.1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cụ thể hóa Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách Thành phố năm 2015 thành Chương trình, nhiệm vụ công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân Thành phố; thường xuyên theo dõi, đôn đốc quá trình chuẩn bị nội dung; sắp xếp, bố trí để Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thông qua các đề án và ban hành kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố xây dựng và thực hiện các chương trình công tác, các đề án hoạt động của hệ thống chính trị Thành phố đồng bộ, hiệu quả.

Tiến hành đánh giá tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội Thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ Thành phố và chuẩn bị chu đáo, khoa học, xây dựng kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội Thành phố giai đoạn 2016 - 2020, phục vụ Đại hội X Đảng bộ Thành phố.

8.2. Lãnh đạo các sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Thành phố tổ chức quán triệt trong cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 và các chương trình, kế hoạch liên quan nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ chung; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ngay từ tháng đầu, quý đầu, tạo động lực phát triển mạnh mẽ, toàn diện, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện; các giải pháp triển khai phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng của cơ quan, đơn vị; xác định rõ

phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết trực tiếp và kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc thành phố thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố, góp phần tích cực cùng cả nước hoàn thành đạt và vượt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, tạo thế và lực để thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2016 - 2020./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2015

CHỈ THỊ

Về đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Theo báo cáo của Cục Thú y, hiện nay bệnh lở mồm long móng gia súc đã phát sinh và lây lan tại các tỉnh Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Lào Cai và Yên Bái, với tổng số gia súc mắc bệnh đến nay 480 con; bệnh cúm gia cầm đã xuất hiện tại tỉnh Quảng Ngãi và Trà Vinh. Nguyên nhân là do một số địa phương còn chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch bệnh, công tác kiểm dịch động vật chưa được thực hiện tốt, người chăn nuôi còn nhận thức chưa đầy đủ về tính chất nguy hại của dịch bệnh. Ngoài ra, tình hình thời tiết có những diễn biến phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho vi rút tồn tại, phát tán và lây lan.

Mặt khác, theo thông báo của Tổ chức Thú y thế giới (OIE), từ đầu năm 2014 đến nay, dịch cúm gia cầm diễn biến phức tạp, với sự xuất hiện của nhiều chủng vi rút cúm gia cầm khác nhau cả trên người và động vật (H7N3, H7N2, H7N9, H5N1, H5N2, H5N3, H5N6, H5N8) xảy ra tại nhiều nước và vùng lãnh thổ trong khu vực và các nước giáp biên giới với Việt Nam.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo báo cáo của Chi cục Thú y Thành phố, tình hình kinh doanh gia cầm sống trái phép tại các địa phương chưa được xử lý triệt để, vẫn còn tồn tại 27 điểm kinh doanh gia cầm sống trái phép trên các tuyến đường trọng điểm tại 07 quận, huyện. Đồng thời, việc giết mổ kinh doanh gia cầm sống trái phép tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra dịch bệnh và mất an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình dịch tễ đàn gia súc, gia cầm và sức khỏe người dân trên địa bàn Thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 9897/CT-BNN-TY ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Công văn số 10000/BNN-TY ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai tháng vệ sinh, tiêu độc, khử

trùng đợt 3 năm 2014; Công điện số 10091/CD-BNN-TY ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch lở mồm long móng; đồng thời để chủ động ngăn chặn, phòng ngừa dịch bệnh gia súc, gia cầm xảy ra trên địa bàn Thành phố, nhất là vào thời điểm trước và sau Tết Nguyên đán năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện

- Khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2015 trên địa bàn; chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực, vật tư, kinh phí để chủ động ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức phòng chống dịch bệnh, thực hiện nghiêm túc các quy định phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; khuyến cáo người tiêu dùng chọn lựa sản phẩm an toàn, có nguồn gốc, đã qua kiểm dịch của cơ quan thú y.

- Quản lý chặt chẽ tình hình chăn nuôi trên địa bàn; đôn đốc việc chấp hành tiêm phòng các bệnh bắt buộc; tăng cường tần suất kiểm tra tình hình vận chuyển, kinh doanh, giết mổ, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn, nhất là việc nhập xuất động vật, sản phẩm động vật trong thời điểm chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết.

- Bố trí lực lượng chốt chặn thường xuyên tại các điểm nóng kinh doanh gia cầm sống trái phép trên địa bàn, không để tồn tại các điểm kinh doanh gia cầm sống trái phép, kể cả tại các khu vực giáp ranh với các tỉnh.

- Chỉ đạo Ban Quản lý các chợ chủ động tiêu độc, khử trùng thường xuyên theo sự hướng dẫn của cơ quan thú y; tăng cường kiểm soát, tuyên truyền cho các tiểu thương chỉ kinh doanh các sản phẩm động vật an toàn, đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ đã được kiểm dịch của cơ quan Thú y.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ động phối hợp với các quận, huyện tổ chức kiểm tra về công tác triển khai các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh trên địa bàn Thành phố.

- Chỉ đạo Chi Cục Thú y:

+ Đôn đốc các quận, huyện, các lực lượng có liên quan xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí để thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm

2015 trên địa bàn Thành phố, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt **trong tháng 01 năm 2015** để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Triển khai việc tiêm phòng ngay từ đầu năm 2015; giám sát tình hình lưu hành vi rút trên gia súc, gia cầm tại các hộ chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nhằm đảm bảo tình hình dịch tễ, nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống dịch và nguồn thực phẩm an toàn cho người dân Thành phố.

+ Thực hiện nghiêm các quy trình kiểm dịch, phúc kiểm động vật, sản phẩm động vật vào Thành phố tại các Trạm kiểm dịch đầu mối giao thông. Kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vận chuyển không đúng quy định, nhất là trong đợt cao điểm phục vụ nhu cầu tiêu dùng vào cuối năm và Tết Nguyên đán năm 2015.

+ Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện giám sát chặt chẽ tình hình dịch tễ trên địa bàn; triển khai thực hiện “Tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi” theo nội dung Công văn số 10000/BNN-TY ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông về triển khai tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đợt 3 năm 2014; kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành các quy định của ngành thú y trong vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, các yêu cầu về giống vật nuôi nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh, phát triển chăn nuôi phục vụ Tết.

+ Phối hợp với Ban Quản lý chợ thường xuyên kiểm tra, có biện pháp xử lý triệt để đối với các trường hợp kinh doanh, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật không đúng quy định.

+ Tiếp tục thực hiện chương trình phối hợp với Chi Cục Thú y các tỉnh trong công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

3. Giám đốc Sở Y tế

- Chỉ đạo Đoàn kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ nguồn hàng hóa phục vụ sản xuất tại các cơ sở chế biến, các điểm kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm động vật, nhất là trong thời điểm trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2015, nhằm đảm bảo cung cấp nguồn thực phẩm an toàn cho người dân Thành phố.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh nhằm ứng phó kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra.

4. Giám đốc Sở Công Thương

- Hoàn chỉnh Quy chế phối hợp và trách nhiệm trong hoạt động liên ngành phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt **trong tháng 01 năm 2015**.

- Chủ trì Đoàn liên ngành về phòng, chống dịch cúm gia cầm của Thành phố và quận, huyện tăng mật độ kiểm tra, giám sát việc vận chuyển, kinh doanh, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật, đảm bảo giám sát chặt chẽ nguồn hàng hóa chuẩn bị cho nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán năm 2015.

5. Giám đốc Sở Giao thông vận tải

Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thường xuyên thông báo cho các chủ phương tiện nghiêm túc thực hiện quy định không vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên các phương tiện vận tải hành khách đường bộ lẫn đường thủy.

6. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác tuyên truyền cho người tiêu dùng nâng cao nhận thức lựa chọn các sản phẩm an toàn đã được kiểm định bởi các cơ quan chuyên môn trong sinh hoạt gia đình vào các dịp Tết, Lễ hội.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan nghiêm túc thực hiện các biện pháp nêu trên, kịp thời báo cáo đề xuất giải quyết các phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần ổn định tình hình kinh tế chính trị xã hội của Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng